

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: Chị Trần Thị D xin ly hôn

anh Bùi Đình T

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

Bà Vũ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 30/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2024/TB-TA ngày 18/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2024/TB-TA ngày 15/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 25A/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2024/TB-TA ngày 19/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2024, Thông báo mở lại phiên tòa số

05/2024/TB-TA ngày 12/9/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1985; nơi thường trú: Thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Bùi Đình T**, sinh năm 1982; nơi thường trú: Thôn V1, xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2023 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D, trình bày:*

Chị và anh Bùi Đình T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/02/2006 tại UBND xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh T là người sống ích kỷ, gia trưởng, vũ phu, thường xuyên đánh, chửi chị, gây áp lực cho chị cả về thể xác lẫn tinh thần. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là ngày 15/10/2022, anh T dấu điện thoại của chị, khi đi tìm điện thoại chị thấy trong ví của anh T có 02 triệu đồng, chị lấy 01 triệu đồng, anh T cầm 01 viên gạch đi tìm định ném chị. Ngày 23/10/2022, chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh T đi tìm, chị không về, chị và anh T đã sống ly thân từ đó. Tháng 5/2023, chị quay về tái hợp nhưng vẫn không có hạnh phúc nên chị lại về nhà bố mẹ đẻ chị ở. Trong thời gian anh chị sống ly thân, khi chị về thăm con, bố mẹ đẻ anh T không những không cho chị gặp con mà còn khóa cổng không cho chị vào nhà. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh T, cuộc sống chung giữa anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, thực sự căng thẳng và không thể đoàn tụ, do đó, chị cương quyết xin ly hôn anh T, không chấp nhận đoàn tụ. Việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Chị và anh Bùi Đình T có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015. Hiện các con đang ở cùng anh T và ông bà nội, anh T có công việc ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi con, các con đều có nguyện vọng ở cùng bố. Về phía chị, hiện chị đang ở nhà bố mẹ đẻ, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Do đó, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung M và Tr cho anh T nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

Chị và anh Bùi Đình T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Năm 2022, do áp lực cuộc sống, chị bị mất ngủ, tinh thần không ổn định, chị đã đến khám và điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình. Năm 2023, sức khỏe của chị ổn định, chị không điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình nữa. Hiện tình trạng sức khỏe của chị tốt, chị vẫn giao tiếp, sinh hoạt và lao động tại địa phương bình thường. Anh T yêu cầu Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với chị, chị không đồng ý. Chị không yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố chị mất năng lực hành vi dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị, Tòa án đã đưa bà Đỗ Thị B, Chủ tịch Hội phụ nữ xã V2, huyện V vào tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị, nay bà B từ chối tham gia tố tụng, chị đồng ý.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 23/01/2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Bùi Đình T trình bày:***

Anh và chị Trần Thị D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 03/02/2006 tại UBND xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do chị D thiếu quan tâm đến gia đình, chồng con. Anh và hai bên gia đình đã góp ý nhưng chị D không thay đổi. Từ cuối tháng 10/2022, chị D tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh có nhắn tin, gọi điện, trực tiếp đi tìm nhưng chị D không về, sau anh được biết có thời gian chị D vào miền nam làm ăn, sinh sống nhưng không nói gì với anh, cũng không liên lạc về gia đình. Anh và chị D đã ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ cuối năm 2022 đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh, theo anh, anh chị vẫn còn tình cảm, mặt khác, anh chị là người công giáo, không cho phép ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ. Nếu chị D vẫn cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Anh và chị Trần Thị D có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung M và Tr, anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Hiện anh làm lao động tự do, thu nhập từ khoảng 08 triệu đến 10 triệu đồng/01 tháng, ngoài ra, anh còn có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ

anh trong việc chăm sóc các con. Hiện chị D làm gì, thu nhập bao nhiêu, anh không biết.

Về chia tài sản chung giữa anh và chị D, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh và chị D không có nợ chung nên anh không có yêu cầu, đề nghị gì.

Về tình trạng sức khỏe của chị D, theo anh, chị D bị mắc bệnh tâm thần, anh đề nghị Tòa án ra quyết định trung cầu giám định tâm thần với chị D, anh không yêu cầu Tòa án tuyên bố chị D mất năng lực hành vi dân sự, anh không đồng ý việc Tòa án đưa bà B, Chủ tịch Hội phụ nữ xã V2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho chị D, nếu Tòa án không đưa bà B vào tham gia tố tụng, anh sẽ không đề nghị Tòa án trung cầu giám định tâm thần đối với chị D.

*** Tại văn bản đề ngày 07/3/2024, cháu Bùi Trần Bảo M trình bày:**

Bố đẻ cháu là Bùi Đình T. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị D. Nếu bố mẹ đẻ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu muốn ở cùng với bố.

*** Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2024, cháu Bùi Đình Tr trình bày:**

Bố đẻ cháu là Bùi Đình T. Mẹ đẻ cháu là Trần Thị D. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở với bố.

*** Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2024, bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ chị D) trình bày:**

Chị D và anh T đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã V2, huyện V. Do bố mẹ anh T khó tính nên giữa chị D với bố mẹ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Anh T nóng tính, ghen tuông vô lý, nhiều lần đánh chị D khiến chị D suy sụp tinh thần vì phải chịu đựng căng thẳng trong thời gian dài. Nhiều lần chị D có nói chuyện với gia đình là không còn tình cảm với anh T. Từ cuối năm 2022 đến nay, chị D về ở cùng gia đình bà, anh T có đi tìm nhưng chị D không về. Nay chị D xin ly hôn anh T, theo bà, mâu thuẫn giữa anh chị là có, đã kéo dài nhưng do gia đình bà là người công giáo, giáo lý không cho phép ly hôn nên bà không có ý kiến, đề nghị gì.

Chị D và anh T có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015, hiện ở cùng anh T. Nếu anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Chị D hiện

làm tự do tại địa phương, công việc và thu nhập không ổn định, bà và gia đình vẫn phải hỗ trợ thêm về kinh tế cho chị D.

Chị D và anh T không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

*** Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2024, ông Bùi Văn S (bố đẻ anh T) trình bày:**

Chị D và anh T đăng ký kết hôn ngày 03/02/2006 tại UBND xã V2, huyện V. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn do chị D không khéo léo trong cách ứng xử, thiếu quan tâm đến gia đình, chồng con. Anh T và gia đình có khuyên bảo nhưng chị D không thay đổi. Từ cuối tháng 10/2022, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T có đi tìm nhưng chị D không về. Nay chị D xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, hơn nữa giáo lý không cho phép ly hôn nên ông không đồng ý cho anh chị ly hôn.

Chị D và anh T có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015, hiện ở cùng anh T và gia đình ông. Ông không có ý kiến gì về việc nuôi con chung của anh chị nhưng nếu anh T được nuôi 2 con, gia đình ông sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc, nuôi dạy các cháu. Anh T làm nghề tự do, cuộc sống và thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi hai con.

Chị D và anh T không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến ông và gia đình ông.

*** Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2024, đại diện cơ sở thôn V1, UBND xã V2 và Công an xã V2, huyện V, cung cấp:**

Chị D và anh T đều đăng ký thường trú và ở tại thôn V1, xã V2, huyện V. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã V2, huyện V vào ngày 03/02/2006. Về mâu thuẫn giữa anh chị có hay không, chính quyền địa phương không biết. Từ cuối năm 2022 đến nay, chị D về ở tại nhà bố mẹ đẻ. Nay chị D xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị D và anh T có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015. Nếu anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị D và anh T hiện không vay nợ tại các tổ chức tín dụng, đoàn thể tại địa phương.

*** Tại công văn số 42/BVTT-KHTH ngày 20/5/2024, Bệnh viện Tâm Thần Thái Bình cung cấp:**

Từ ngày 21/11/2022 đến ngày 06/3/2023, chị D có đến khám và điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình với chẩn đoán bệnh “Theo dõi Giai đoạn hưng cảm”. Bệnh này, nếu người bệnh tuân thủ phác đồ điều trị, không tự ý bỏ thuốc có thể ổn định tốt hoặc có tỷ lệ khởi nhưng ít. Ngoài khoảng thời gian trên, không tìm thấy thông tin chị D đến khám chữa bệnh lần nào khác tại bệnh viện nên không thể đánh giá được vào thời điểm hiện tại chị D đã khởi bệnh hay chưa. Nếu muốn biết tình trạng bệnh lý hiện tại của chị D thì gia đình phải đưa chị D đến bệnh viện để khám và đánh giá.

*** Tại các biên bản lấy lời khai đề ngày 29/5/2024 và ngày 18/6/2024, ông Trần Văn R (bố đẻ chị D) trình bày:**

Trước khi kết hôn, sức khỏe chị D tốt, không có biểu hiện mắc bệnh tâm thần. Đầu năm 2022, chị D bị áp lực về tinh thần nên tâm lý bất ổn, tính tình thay đổi. Cuối năm 2022 đến đầu năm 2023, gia đình có đưa chị D đi khám và điều trị bệnh tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình, ngoài ra, chị D không đi khám, điều trị tại cơ sở y tế nào khác. Ông đã được nghe Tòa án giải thích quy định pháp luật liên quan, do gia đình ông là người công giáo, không cho phép ly hôn nên gia đình ông không đồng ý làm người đại diện theo pháp luật cho chị D trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không đề nghị Tòa án ra quyết định tuyên bố chị D mất năng lực hành vi dân sự, không đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với chị D. Ông đề nghị Tòa án không đến gia đình ông làm việc nữa. Nếu chị D vẫn cương quyết xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

*** Tại các biên bản làm việc ngày 18/6/2024 và ngày 11/9/2024, bà Đỗ Thị B là Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã V2, huyện V trình bày:**

Chị D và anh T đều là người ở tại địa phương, đều là người công giáo. Khi biết giữa chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn, Hội phụ nữ xã đã gặp gỡ, động viên chị D khắc phục mâu thuẫn để quay về đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý. Chị D và anh T có hai con chung là Bùi Trần Bảo M và Bùi Đình Tr, hiện ở cùng anh T. Đối với việc chị D xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không đề nghị Tòa án ra quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với chị D, không yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố chị D mất năng

lực hành vi dân sự. Tại địa phương, chị D tình trạng sức khỏe bình thường, tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào hoạt động hội phụ nữ xã.

Trước đây, bà đồng ý làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị D trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà đã được tiếp cận hồ sơ vụ án. Sau đó, anh T nhiều lần đến nhà bà yêu cầu bà không được tham gia bảo vệ quyền lợi chị D, theo anh T thì chị D là người tâm thần, không đủ hành vi dân sự, bố mẹ và anh chị em chị D còn sống, không thiếu gì người bảo vệ cho chị D, không đến lượt bà và nếu bà cố tình tham gia phiên tòa để chị D bỏ chồng, chị D có làm sao, bà hoàn toàn chịu trách nhiệm. Sự việc này bà đã báo cáo lên Hội phụ nữ cấp huyện và nhận được ý kiến chỉ đạo là không tham gia. Do đó, bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị D được ly hôn anh T. Giao hai con chung của anh chị là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng cho hai con chung cùng anh T. Về chia tài sản chung, không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Đình T, anh T hiện thường trú tại xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 23/8/2024, chị Trần Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Bùi Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị D và anh T.

[1.3] Theo cung cấp của Bệnh viện Tâm thần Thái Bình thì từ ngày 21/11/2022 đến ngày 06/3/2023, chị D có điều trị ngoại trú tại bệnh viện với chẩn đoán bệnh “Theo dõi Giai đoạn hưng cảm”; bệnh này, nếu người bệnh tuân thủ phác đồ điều trị có thể ổn định tốt hoặc có tỷ lệ khởi nhưng ít; nếu muốn biết chị D đã khỏi bệnh hay chưa thì chị D phải đến bệnh viện để khám và đánh giá. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử, anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh T có mặt và yêu cầu Tòa án ra quyết định trung cầu giám định tâm thần đối với chị D. Để có căn cứ xem xét yêu cầu của anh T, Tòa án đã giải thích quy định pháp luật liên quan, nhiều lần ra văn bản yêu cầu anh T cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tình trạng sức khỏe của chị D để thực hiện việc giám định nhưng anh T không cung cấp. Xét thấy: Từ 21/11/2022 đến ngày 06/3/2023, chị D có điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Tâm thần Thái Bình với chẩn đoán bệnh “Theo dõi Giai đoạn hưng cảm”. Anh T yêu cầu Tòa án ra quyết định trung cầu giám định tâm thần đối với chị D nhưng anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu để thực hiện việc giám định. Tòa án đã giải thích pháp luật, hướng dẫn anh T, chị D, đại diện gia đình chị D và bà B thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố chị D mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật nhưng không ai có yêu cầu, do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Bùi Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 03/02/2006, là hôn nhân hợp pháp. Trong

cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo chị D là do anh T là người sống ích kỷ, gia trưởng, vũ phu, thường xuyên đánh, chửi chị, gây áp lực cho chị cả về thể xác lẫn tinh thần, anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, chị cương quyết xin ly hôn anh T, không chấp nhận đoàn tụ. Về phía anh T cho rằng, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do chị D không quan tâm đến gia đình, chồng con, anh và gia đình đã góp ý nhưng chị D không thay đổi, anh chị cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, do anh vẫn còn tình cảm với chị D, mặt khác, anh chị đều là người công giáo, không được phép ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ. Theo các lời khai đương sự đã trình bày và theo kết quả xác minh đối với đại diện hai bên gia đình, xác định mâu thuẫn giữa anh chị là có, xảy ra từ năm 2022 và anh chị sống ly thân từ đó đến, anh T xin đoàn tụ nhưng anh T không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị D, xử cho chị D được ly hôn anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị D và anh Bùi Đình T có 02 con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015. Tại Tòa án, chị D đề nghị giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, chị D hiện ở nhà bố mẹ đẻ, công việc và thu nhập của chị D không ổn định, cháu M và cháu Tr đang ở cùng anh T cuộc sống ổn định và đều có nguyện vọng ở cùng bố, anh T có sức khỏe, có nhà ở, có công việc, có thu nhập ổn định và có sự hỗ trợ của gia đình trong việc quan tâm, chăm sóc các con. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con trẻ, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của chị D và anh T, giao cháu M và cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, xét thấy, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị D do có khó khăn về kinh tế nên không có khả năng cấp dưỡng, anh T đều không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho các con cùng anh, yêu cầu này của anh T là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị D và anh Bùi Đình T đều trình bày anh chị tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không có yêu cầu hay đề nghị gì, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Bùi Đình T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Bùi Đình T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho anh Bùi Đình T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Bùi Trần Bảo M, sinh ngày 02/6/2007 và Bùi Đình Tr, sinh ngày 09/02/2015. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng cho hai con chung cùng anh Bùi Đình T.

2.2. Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi các bên có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị D đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001557 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình. Chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị D và anh Bùi Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V2, huyện V, tỉnh Thái Bình (CNKH số 13, quyển số 01, ngày 03/02/2006);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương